TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **66**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 7 - 2023.
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Huỳnh Kim Yến**

Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Chung Kim Sang**

Bà Trần Thị Lệ

- Thư ký phiên tòa: **Bà Võ Thị Hồng Diễm** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: **Bà Vũ Thị Thu** – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 206/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2023/QĐXX-ST ngày 19 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Bà Nguyễn Thị M**; sinh năm 1988 *(Có đơn xin vắng mặt)*

Địa chỉ: Số 165/15/27 đường T, phường Q, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: **Ông Vi Nhâm T1**; sinh năm 1992 *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Số 165/15/27 đường T, phường Q, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:***

Bà và ông Vi Nhâm T1 tự nguyện yêu thương và tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 2019 và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, đã được Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Quang, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 189 ngày 12/6/2019.

Quá trình chung sống giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình hai bên không hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm dẫn đến cải vã, bà M đã từng nộp đơn yêu cầu giải quyết ly hôn vào năm 2021 nhưng sau đó đã rút đơn nhằm tạo cơ hội để vợ chồng cùng nhau hàn gắn nhưng không có kết quả, mâu thuẫn phát sinh ngày càng trầm trọng hơn, bà và ông T1 đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2021 cho đến nay, mạnh ai người đó sống và không quan tâm đến nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà M làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Bà M xin được ly hôn với ông Vi Nhâm T1.

- Về con chung: Bà M xác định quá trình chung sống giữa bà và ông T1 có 01 (một) người con chung tên Vi Nguyễn Thục L - sinh ngày 05/3/2020. Bà M yêu cầu giao con chung cho bà tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà M xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đồng thời bà Nguyễn Thị M có đơn đề ngày 27/7/2023 xin vắng mặt tại phiên tòa và xác định giữ nguyên yêu cầu khởi kiện cũng như ý kiến đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

*** Đối với bị đơn ông Vi Nhâm T1:** Tòa án đã tiến hành xác minh thông tin địa chỉ cư trú của ông T1 và niêm yết các văn bản tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến nay theo quy định pháp luật, đồng thời đã thực hiện việc thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng; tuy nhiên ông T1 không có mặt và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, ông Vi Nhâm T1 vắng mặt không lý do.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá phát biểu quan điểm:**

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; diễn biến tại phiên tòa Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục theo luật định; về những người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 2, 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 69, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét thấy

yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M về việc xin ly hôn với ông Vi Nhâm T1 và yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M khởi kiện xin ly hôn với ông Vi Nhâm T1; địa chỉ thường trú tại: Số 165/15/27 đường T, phường Q, thành phố G, tỉnh Kiên Giang và yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung. Do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" và theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.

[2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M có đơn xin vắng mặt; bị đơn ông Vi Nhâm T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do; do đó Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị M và ông Vi Nhâm T1.

[3] Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị M và ông Vi Nhâm T1, Hội đồng xét xử nhận định:

Bà M và ông T1 kết hôn, chung sống với nhau hoàn toàn trên cơ sở tự nguyện, hai bên có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, đã được Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Quang, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/6/2019, nên theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị M, Hội đồng xét xử nhận định:

Theo quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình thì quan hệ vợ chồng phải dựa trên cơ sở tự nguyện, tiến bộ; vợ chồng phải có nghĩa vụ quan tâm, yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ nhau để cùng nhau xây dựng mái ấm gia đình bền vững, hạnh phúc. Tuy nhiên, quá trình chung sống giữa vợ chồng bà M và ông T1 phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn; nguyên nhân theo bà M xác định do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn cải vã dẫn đến việc bà M từng nộp đơn yêu cầu giải quyết ly hôn, sau đó đã rút đơn để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng mâu thuẫn vẫn tiếp tục phát sinh ngày càng trầm trọng thêm, vợ chồng sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm

và dành tình cảm cho nhau nữa; do đó bà M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Vi Nhâm T1.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh xác định được ông Vi Nhâm T1 không có mặt tại nơi thường trú, bà M xác định việc bà khởi kiện xin ly hôn đã thông báo cho ông T1 biết nhưng ông T1 cố tình né tránh không cung cấp thông tin nơi cư trú hiện tại cũng không hợp tác về giải quyết việc ly hôn. Do đó, để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của ông T1 và đảm bảo việc giải quyết vụ án đúng theo pháp luật tố tụng, ngoài việc niêm yết các văn bản tố tụng tại địa chỉ thường trú của ông T1, Tòa án đã thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng về thời gian, trình tự thủ tục giải quyết vụ án cho ông Vi Nhâm T1 biết, cụ thể đã đăng thông báo trên Báo Công Lý 03 số báo liên tiếp (số 42 ngày 26/5/2023, số 43 ngày 31/5/2023, số 44 ngày 02/6/2023) và phát sóng thông báo trên Đài Tiếng nói Việt Nam 03 lần trong 03 ngày liên tiếp (vào lúc 17 giờ 30 phút đến 18 giờ các ngày 22, 23, 24/5/2023); tuy nhiên, ông Vi Nhâm T1 không có mặt theo thông báo, giấy triệu tập của Tòa án và không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hoặc phản đối lời trình bày của bà M cũng như các chứng cứ do bà M cung cấp để làm cơ sở giải quyết vụ án, xem xét bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho ông. Căn cứ Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự về nghĩa vụ chứng minh của đương sự, Tòa án sẽ giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Từ những nhận định trên, qua xem xét, đánh giá Hội đồng xét xử thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, ông T1 cũng không có mặt tại Tòa và không trình bày ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà M, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng; từ đó xét thấy giữa bà M và ông T1 đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà M là có căn cứ; sau khi nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M, xử cho bà M được ly hôn với ông Vi Nhâm T1.

[5] Xét yêu cầu của bà M về việc nuôi con chung, Hội đồng xét xử nhận định:

Bà M và ông T1 chung sống có 01 (một) người con chung tên Vi Nguyễn Thục L - sinh ngày 05/3/2020. Quá trình giải quyết vụ án bà M xác định con hiện đang sống cùng bà, do bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, được đảm bảo đầy đủ quyền, lợi ích hợp pháp để sinh sống, học tập và phát triển; do đó bà M xác định giữ nguyên yêu cầu về việc giao con chung cho bà tiếp tục nuôi dưỡng, bà xác định bản thân đủ khả năng kinh tế để nuôi con nên không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con. Phía ông Vi Nhâm T1, trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, ông không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu của bà M về việc nuôi con chung.

Xét yêu cầu của bà M về việc nuôi con chung là phù hợp quy định pháp luật; do đó để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của bà M, giao cháu Vi Nguyễn Thục Linh cho bà M tiếp tục nuôi dưỡng; riêng ông T1 vẫn được đảm bảo quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định pháp luật.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà M không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Bà M xác định quá trình chung sống bà và ông T1 không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Do ông Vi Nhâm T1 không có lời khai tại Tòa án và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nếu sau này ông T1 có yêu cầu về việc nuôi con chung, về chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện độc lập.

[8] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, 147, 227, 228 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị M và ông Vi Nhâm T1.

2. Về quan hệ con chung: Giao người con chung giữa bà Nguyễn Thị M và ông Vi Nhâm T1 là cháu Vi Nguyễn Thục L - sinh ngày 05/3/2020 cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà M không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Các bên có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định pháp luật.

3. Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng

án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* bà M đã nộp, theo biên lai thu tiền số 0007342 ngày 05/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự Tp. Rạch Giá;
- Cơ quan đã thực hiện ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Huỳnh Kim Yến